

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2025

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Hoàng Thị Cát Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1989

Địa chỉ thường trú: Thôn Đội 3, xã H, huyện B, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Trọng H, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

(Chị Tr, anh H có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Trọng H tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T,

tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 06/5/2013). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự chia sẻ, thông cảm nên chị và anh H sống ly thân khoảng 04 năm nay. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 02 cháu là Vũ Anh Qu, sinh ngày 17/8/2013 và Vũ Trâm A, sinh ngày 17/8/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Trâm A sống với chị còn cháu Qu sống cùng anh H. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vũ Trâm A, giao cháu Vũ Anh Qu cho anh H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa và bận đi làm nên chị Tr đề nghị không tiến hành hòa giải, chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Bị đơn anh Vũ Trọng H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Tr tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 06/5/2013). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên giữa anh chị không có sự chia sẻ, thông cảm. Từ khoảng tháng 7/2020 cho đến nay anh và chị Tr sống ly thân. Do hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên nay chị Tr yêu cầu giải quyết ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 cháu là Vũ Anh Qu, sinh ngày 17/8/2013 và Vũ Trâm A, sinh ngày 17/8/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Trâm A sống với chị Tr còn cháu Qu sống cùng anh. Ly hôn, chị Tr yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vũ Trâm A, giao cháu Vũ Anh Qu cho anh nuôi dưỡng, anh đồng ý. Anh và chị Tr không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm nên anh H xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các

văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Tr và anh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ vào năm 2013. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Vũ Anh Qu, sinh ngày 17/8/2013 và Vũ Trâm A, sinh ngày 17/8/2018. Do bất đồng quan điểm sống nên từ tháng 07/2020 chị Tr và anh H sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ. Nay chị Tr yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trâm A, giao cháu Qu cho anh H nuôi dưỡng, anh H đồng ý. Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Vũ Trọng H có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự:

Chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Vũ Trọng H. Hiện nay anh H sinh sống tại khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr, bị đơn là anh Vũ Trọng H.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Vũ Trọng H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 06/5/2013 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Tr tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của anh H cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng bất hòa. Từ tháng 7/2020, chị Tr và anh H sống ly thân nhau đến nay không hòa giải đoàn tụ lần nào. Nay chị Tr yêu cầu giải quyết ly hôn, anh H đồng ý.

Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Tr được ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2]. Về con chung: Chị Tr và anh H khai có 02 cháu là Vũ Anh Qu, sinh ngày 17/8/2013 và Vũ Trâm A, sinh ngày 17/8/2018. Ly hôn, chị Tr đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trâm A, giao cháu Qu cho anh H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, anh H đồng ý.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi dưỡng con chung giữa chị Tr và anh H phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[3.3]. Tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

[3.4]. Nợ chung: Chị Tr và anh H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016, chị Nguyễn Thị Tr phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 238, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Vũ Trọng H.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn anh Vũ Trọng H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Vũ Trâm A, sinh ngày 17/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Anh Qu, sinh ngày 17/8/2013 cho anh Vũ Trọng H nuôi dưỡng. Tạm thời chị Tr, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con chung, khi cần thiết đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0023121 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

4. Chị Nguyễn Thị Tr, anh Vũ Trọng H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai